

Bản án số: 22/2018/HCST

Ngày: 31 -5-2018

V/v: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại và quyết định bồi thường, hỗ
trợ và tái định cư khi thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thu.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thái Ngọc Minh.**

2. Ông **Đoàn Văn Tâm.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLST-HC ngày 16 tháng 8 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1960 (*có mặt*).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:* Luật sư **Phạm Anh T** – Văn phòng luật sư Phạm Anh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (*có mặt*).

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang (*có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 04, đường 30-4, khu phố 2, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang (*có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 04, đường 30-4, khu phố 2, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đinh Khoa K**- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (*có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 04, đường 30-4, khu phố 2, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Phạm Thị H trình bày:**

Năm 1996 bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đoàn Văn C phần đất có diện tích 7.046m² tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang, do ông C khai khẩn từ năm 1993 để trồng hoa màu và cây lâu năm. Quá trình sử dụng bà có khai phá thêm phần đất có diện tích 4.335m² để trồng tràm bông vàng.

Ngày 10/8/2004 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2725/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị H diện tích 7.046m² do bao chiếm, lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20/11/2013 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5609/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị H diện tích 4.335m² để thực hiện Dự án khu du lịch sinh thái Bãi Dài tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26/11/2013 UBND huyện C ban hành Quyết định số 5718/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị H số tiền 314.736.500 đồng (ba trăm mười bốn triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng). Trong đó, hỗ trợ về

đất đai 279.969.600 đồng, bồi thường hòa màu 6.765.000 đồng và vật kiến trúc 28.001.900 đồng.

Ngày 12/01/2016 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị H diện tích 11.381m² để thực hiện Dự án khu du lịch sinh thái Bãi Dài tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Không đồng ý việc bồi thường, hỗ trợ nêu trên, bà H đã khiếu nại đến UBND huyện C.

Ngày 12/7/2016 Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 3371/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H, khiếu nại việc UBND huyện C không xem xét, bồi thường quyền sử dụng diện tích đất 11.381m². Nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà H.

Bà H xác định đất của bà đủ điều kiện bồi thường về đất đai nhưng UBND huyện C không bồi thường về đất đai, cây trồng, hỗ trợ tái định cư cho bà là không phù hợp với qui định của pháp luật.

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H và hủy quyết định số 5718/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Phạm Thị H. Buộc UBND huyện C lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư diện tích đất 11.381m² cho bà theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 393/UBND-NCPC ngày 02/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến như sau:

Về nguồn gốc thửa đất có diện tích 11.381 m² hộ bà Phạm Thị H đang khiếu nại trong Dự án khu du lịch sinh thái Bãi Dài tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang, trước năm 1994 là đất đồng tranh, cây rừng chòi do Nhà nước quản lý. Năm 1994 ông Đoàn Văn C vào phát dọn đất để cất nhà ở và trồng hòa màu, đào ao nuôi cá lóc trên diện tích 7.046m². Tháng 11/1998 ông Clàm giấy tay chuyển nhượng lại hòa màu cho bà H tiếp tục quản lý, sử dụng. Sau năm 2004, bà H tiếp tục phát dọn thêm diện tích 4.335m² để trồng tràm bông vàng.

Năm 2004, thực hiện kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc xử lý kết quả thanh tra việc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn xã Gành Dầu, huyện C, tỉnh Kiên Giang. UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 2725/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị H diện tích 7.046m² do bao chiếm, lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý và ngày 20/11/2013 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5609/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị H diện tích 4335m² để thực hiện Dự án khu du lịch sinh thái Bãi Dài tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà Phạm Thị H được Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án có tổng diện tích 11.381m².

Ngày 26/11/2013 UBND huyện C ban hành Quyết định số 5718/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị H số tiền 314.736.500 đồng (ba trăm mười bốn triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng). Trong đó, hỗ trợ về đất đai 279.969.600 đồng, bồi thường hòa màu 6.765.000 đồng và vật kiến trúc 28.001.900 đồng. Bà H không được bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 11.381m², nên bà H làm đơn khiếu nại Chủ tịch UBND huyện C.

Ngày 12/7/2016 Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 3371/QĐ-UBND giải quyết không thừa nhận yêu cầu bồi thường quyền sử dụng diện tích đất 11.381m² của bà H là đúng quy định tại Điều 43 Luật đất đai năm 2003, Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai, vì diện tích đất 7.046m² có quyết định xử lý, thu hồi sau thanh tra số 2725/QĐ-UB ngày 10/8/2004, do hành vi bao chiếm, lấn chiếm đất Nhà nước quản lý và diện tích đất 4.335m² là do bà Phạm Thị H phát dọn thêm sau năm 2004, không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003, thuộc trường hợp không được bồi thường về đất.

Tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện C có xem xét giải quyết hỗ trợ từ mức 40% giá đất rừng sản xuất lên mức hỗ trợ bằng 60 % giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thu hồi đất theo hiện trạng sử dụng của từng loại đất với diện tích

6.846m² (7.046m² - 200m²) cho bà H là phù hợp với quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành chính sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện C do diện tích đất này đã được ông Đoàn Văn C phát dọn trồng hoa màu, đào ao nuôi cá, cất nhà ở từ năm 1994.

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND huyện C khẳng định việc ban hành Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H và việc UBND huyện C không bồi thường diện tích đất 11.381m² bị thu hồi của bà H là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, kiến nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H thừa nhận trong tổng diện tích đất bà bị thu hồi có 4.335m² bà khai phá sau ngày 01/7/2004 nên không đủ điều kiện để yêu cầu bồi thường, vì vậy bà rút lại 1 phần yêu cầu khởi kiện và ngoài diện tích 11.381m² bà không còn diện tích đất nào khác tại xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Cụ thể, bà H yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại số 3371/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H, hủy quyết định số 5718/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Phạm Thị H.

Bà H xác định sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại, UBND huyện C có hỗ trợ thêm cho bà số tiền 514.819.200 đồng. Bà H không nhận được quyết định bổ sung bồi thường, hỗ trợ nhưng có nhận 02 lần tiền tổng cộng là 829.555.700 đồng.

Bà H không yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND huyện C giải quyết khiếu nại lại.

Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện C ban hành quyết định bồi thường tiền sử dụng đất cho bà đối với diện tích đất 7.046m², vì đất này bà sử dụng trước ngày thành lập vườn quốc gia. Bà có nhà ở, thành quả lao động trên đất nên phải được bồi thường, khi có quyết định bồi thường bà đồng ý khấu trừ lại số tiền hỗ trợ đã nhận.

Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H xác định: Tại thời điểm khởi kiện bà H không nhận được quyết định bổ sung bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 6743/QĐ-UBND ngày 04/11/2016, nên bà H không khởi kiện. Trước khi vụ án được đưa ra xét xử luật sư mới thu thập được quyết định này. Để bảo đảm quyền lợi cho bà H, vị luật sư yêu cầu Tòa án hủy luôn quyết định số 6743/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện C.

Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, vì đất của bà H bị thu hồi năm 2016 nhưng UBND huyện C lại áp dụng Luật đất đai năm 2003 để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và giải quyết khiếu nại là không đúng pháp luật.

Tại thời điểm bà H sử dụng đất Nhà nước chưa có quyết định thành lập rừng. Năm 2004 bà H có bị UBND huyện C ban hành quyết định thu hồi diện tích đất 7.046m² nhưng quyết định này không triển khai cho bà H, cũng không ai buộc bà H giao đất.

Căn cứ vào Điều 75, Điều 77 Luật đất đai năm 2013 thì bà H đã đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Bà H đồng ý với đề nghị của vị luật sư, yêu cầu Tòa án xem xét hủy luôn quyết định số 6743/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện C về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà H

Người bị kiện vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân thủ pháp luật tổ tụng hành chính của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tổ tụng: Là đúng quy định pháp luật. Đối với người bị kiện chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tổ tụng. Bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với nội dung này.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Diện tích 7.046m² của bà Phạm Thị H bị UBND huyện C thu hồi tại quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 có nguồn gốc do bà H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn C vào năm 1998, còn ông C khai khẩn năm 1993. Căn cứ vào Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn bà H đủ điều kiện để bồi thường.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chủ tịch UBND huyện C là người bị kiện, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của UBND huyện C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo qui định tại khoản 1, Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

Bà Phạm Thị H không có đơn khởi kiện đối với quyết định số 6743/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện C về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà H, trước khi mở phiên tòa. Nhưng tại phiên tòa, bà H và vị luật sư có yêu cầu hủy quyết định số 6743/QĐ-UBND. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét đối với yêu cầu này, vì quyết định 6743/QĐ-UBND là quyết định có liên quan và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của bà H.

Các quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H, quyết định số 5718/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 và quyết định số 6743/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Phạm Thị H là những quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo qui định tại Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Bà Phạm Thị H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 4.335m² do không đủ điều kiện bồi thường và UBND tỉnh Kiên Giang chưa ban hành chính sách hỗ trợ, khi nào có qui định bà H sẽ khởi kiện lại. Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà H do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án:

Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện C là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND huyện C theo qui định tại Điều 18 Luật khiếu nại.

Quyết định số 5718/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 được UBND huyện C ban hành trước khi có quyết định thu hồi đất nên đúng về mặt thẩm quyền, nhưng sai về trình tự thủ tục.

Quyết định số 6743/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 được UBND huyện C ban hành sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại là phù hợp về thẩm quyền và trình tự ban hành.

Theo lời trình bày của bà H, bà chỉ có diện tích 11.381m², nhưng UBND huyện C lại ban hành đến 03 quyết định thu hồi đất. Cụ thể là quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 10/8/2004 thu hồi diện tích 7.046m², quyết định số 5609/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 thu hồi diện tích 4.335m² và quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 thu hồi diện tích 11.381m². Quyết định số 88/QĐ-UBND không có nội dung hủy 02 quyết định thu hồi trước đó.

Tại văn bản số 393/UBND-NCPC ngày 02/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không đề cập đến quyết định số 88/QĐ-UBND. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lý do vì sao chỉ có 1 diện tích đất mà UBND huyện C ban hành quyết định thu hồi đất đến 02 lần.

[3] Để xem xét tính hợp pháp của các quyết định bị kiện cần phải xem xét tính hợp pháp của các quyết định thu hồi đất.

Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 10/8/2004 về việc thu hồi đất do bao chiếm, lấn chiếm đất đai do Nhà nước quản lý của Ủy ban nhân dân huyện C được ban hành không đúng qui định của pháp luật về cả hình thức lẫn nội dung.

Về hình thức: Quyết định được ban hành sau ngày 01/7/2004 nhưng UBND huyện C lại áp dụng Luật đất đai năm 1993 sửa đổi, bổ sung năm 2001 để làm căn cứ là trái pháp luật.

Về nội dung: Đất của bà Phạm Thị H có nguồn gốc sử dụng trước ngày 18/6/1998, ngày UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định số 2163/QĐ-UB về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ và Đặc dụng C để bảo vệ và phát triển rừng tại huyện C.

Tại thời điểm UBND tỉnh Kiên Giang thành lập các đoàn kiểm tra, thanh tra việc quản lý sử dụng đất trên địa bàn huyện C, thì diện tích đất bà H sử dụng thuộc quyền quản lý của Vườn quốc gia C theo quyết định số 01/2002/QĐ-UB ngày 17/01/2002 thành lập vườn quốc gia C của UBND tỉnh Kiên Giang.

Theo qui định tại khoản 1, Điều 4 Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp thì “ Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp lao động lâm nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, làm muối mà nguồn sống chủ yếu là thu nhập có được từ hoạt động sản xuất đó, được UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất xác nhận ” thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất lâm nghiệp.

Tại khoản 3, Điều 17 của Nghị định này qui định: “ Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đang sử dụng đất lâm nghiệp chưa được giao hoặc chưa được thuê trước ngày Nghị định này có hiệu lực, nếu không có tranh chấp, sử dụng đất đúng mục đích thì được xem xét giao đất hoặc cho thuê đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo qui định tại khoản 3 Điều 17 Qui chế rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Ban hành kèm theo quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/01/2001 của Thủ tướng chính phủ: “ Diện tích đất ở, ruộng, vườn và nương rẫy cố định của dân cư sống trong rừng đặc dụng không tính vào diện tích rừng đặc dụng nhưng phải thể hiện trên bản đồ và cắm mốc ranh giới rõ ràng trên thực địa”.

Căn cứ vào thời điểm sử dụng đất thì bà H sử dụng trước thời điểm Nhà nước ban hành các chính sách này. Bà H và gia đình sống chủ yếu bằng canh tác nông nghiệp nên thuộc đối tượng được giao đất lâm nghiệp.

UBND huyện C xác định bà H có hành vi bao chiếm, lấn chiếm đất đai do Nhà nước quản lý để thu hồi là không phù hợp.

Mặt khác, đến ngày 12/01/2016 UBND huyện C lại ban hành quyết định số 88/QĐ-UBND để thu hồi diện tích 11.381m² đất của bà Hoa, trong đó có 7.046m² đã thu hồi năm 2004 để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái. Quyết định này được ban hành sau nên xem như mặc nhiên phủ định quyết định trước đó.

Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 “ Đối với đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ... thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng”.

Trường hợp của bà H đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nhưng UBND huyện C chỉ ban hành quyết định hỗ trợ là không đúng pháp luật, cần phải hủy bỏ 02 quyết định hỗ trợ và kiến nghị UBND huyện C ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mới theo Luật đất đai năm 2013, có khấu trừ lại số tiền bà H đã nhận.

Chủ tịch UBND huyện C giải quyết khiếu nại không chấp nhận yêu cầu của bà H là chưa phù hợp, nên quyết định giải quyết khiếu nại cũng bị hủy.

Lẽ ra, sau khi hủy quyết định giải quyết khiếu nại Tòa án phải kiến nghị Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lại nhưng bà H không yêu cầu, nên không cần thiết phải kiến nghị.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, chấp nhận đề nghị của luật sư và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà H.

Chủ tịch UBND huyện C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), UBND huyện C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ.

Căn cứ quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

- Hủy quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H.

- Hủy quyết định số 5718/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Phạm Thị H.

- Hủy quyết định số 6743/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện C về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Phạm Thị H.

- Kiến nghị UBND huyện C ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất cho bà Phạm Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

- Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu bồi thường diện tích đất 4.335m².

Về án phí: Chủ tịch UBND huyện C phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), UBND huyện C phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0005989 ngày 15/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Thu

